

Chuyên đề
Nhìn lại cuộc chiến 1954-1975

Dinh Từ Thức

Nguyễn Mạnh Tường bị cáo

Những người phụ trách:
Hoài Phi, Ngô Hải
Phạm Thị Hoài

talawas

<http://www.talawas.org>
red@talawas.org

ĐINH TỪ THỨC

Nguyễn Mạnh Tường bị cáo



54-75. Tên gọi, mục tiêu, sự cần thiết, cũng như hậu quả của nó đã được thảo luận nhiều và vẫn còn đang tiếp tục. Người ta cũng đã vinh danh công trạng hay nêu ra trách nhiệm của một số người trong hàng ngũ lãnh đạo của cả hai miền Việt Nam. Người ta đã nói nhiều tới quyết định thôn tính miền Nam bằng quân sự qua Nghị quyết 15 năm 1959 của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhưng vai trò của giới trí thức và văn nghệ sĩ đối với cuộc chiến này như thế nào? Qua *Nhân văn* và *Giai phẩm*, dư luận chỉ được biết quan điểm của các tác giả về tự do sáng tác, không thấy cổ võ hay chống đối chủ trương thống nhất đất nước bằng võ lực. Nhưng có một trí thức hàng đầu, cũng liên hệ xa gần tới *Nhân văn* - *Giai phẩm*, đã cổ võ cho chủ trương thống nhất đất nước bằng chiến tranh tại diễn đàn quốc tế, ngay từ năm 1956, là luật sư Nguyễn Mạnh

Từ 35 năm nay, dư luận đã nói nhiều về cuộc chiến Tường¹.

¹Luật sư Nguyễn Mạnh Tường sinh năm 1909 tại phố Hàng Đào, Hà Nội. Ông theo học tại trường Albert Sarraut và đỗ tú tài năm 16 tuổi. Sau đó du học tại Đại học Montpellier ở miền nam nước Pháp năm 1927. Khi mới 22 tuổi ông trở thành người Việt đầu tiên đỗ hai bằng tiến sĩ tại Pháp: Ưu hạng Luật khoa (Luận án: *L'individu dans la vieille cité annamite*, Code des L.E., Droit, Montpellier, Imp. de la Presse Montpellier 1932) và Tiến sĩ Quốc gia Văn chương (với luận án *L'Annam dans la littérature française*, D.E., Lettres, Montpellier 1932). Báo chí thời ấy đã coi người thanh niên Việt Nam trong một năm đỗ 2 bằng tiến sĩ là hiện tượng chưa từng có trong nền giáo dục đại học Pháp. Bạn tri âm của ông là Nguyễn Văn Huyền, người cũng làm luận án Tiến sĩ Văn khoa tại Pháp.

Trở về Việt Nam năm 1936, Nguyễn Mạnh Tường dạy văn học Pháp ở trường Trung học Bảo hộ (Lycée du Protectorat), hay còn gọi là trường Bưởi (từ 1945 đổi tên thành trường Trung học Chu Văn An). Bất mãn với chính sách kỳ thị của Pháp, ông bỏ dạy và mở văn phòng luật sư tại hai biệt thự số 1 và số 2 phố Mai Xuân Thưởng. Về sau gia đình đã hiến tất cả cho Nhà nước, làm trụ sở cơ quan tiếp dân của Thanh tra Chính phủ.

Trong thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp, ông làm luật sư và dạy học tại Thanh Hoá và Khu III nói chung, giữ chức vụ Phó Giám đốc Trường Sư phạm cao cấp Liên khu IV. Đến khi hòa bình lập lại năm 1954, ông trở về Hà Nội, là giáo sư trường Đại học Văn khoa (nay là Đại học Quốc gia Hà Nội).

Sau 1954 ông giữ các chức vụ Trưởng khoa Đại học Luật Hà Nội, Phó chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam, Chủ tịch Đoàn Luật sư, Phó Trưởng khoa Đại học Sư phạm Hà Nội; thành viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên của Hội Hữu nghị Việt-Pháp, Hội Hữu nghị Việt-Xô và Ủy ban Bảo vệ Hoà bình Thế giới, sáng lập viên Câu lạc bộ Đoàn kết, Phó hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội, chuyên viên nghiên cứu giáo dục. Ông tham gia phái đoàn chính phủ dự hội nghị trù bị Đà Lạt, dự các hội nghị hoà bình thế giới ở Bắc Kinh và Wien.

Trong số ra mắt ngày 20 tháng 9 năm 1956, bán nguyệt san *Nhân văn* đã đăng ngay trên trang nhất bài "Chúng tôi phỏng vấn về vấn đề mở rộng tự do và dân chủ". Người được phỏng vấn đầu tiên là luật sư Nguyễn Mạnh Tường. Ông nêu hai nguyên nhân khiếm khuyết về dân chủ thời bấy giờ:

- a. Đảng viên Lao động và cán bộ thi hành chính sách thiếu tinh thần dân chủ. Do đó xa lìa quần chúng, và tạo ra tình trạng đối lập quần chúng với mình. Để sửa đổi, cần xây dựng quan điểm quần chúng cho đảng viên và cán bộ, và yêu cầu Trung ương Đảng và Chính phủ đảm bảo sự thi hành triệt để các tự do dân chủ.
- b. Quần chúng chưa thấm nhuần tinh thần chủ nhân ông trên đất nước, do đó chưa tranh đấu đòi thực hiện dân chủ. Để sửa chữa, ta cần xây dựng ý thức dân chủ cho quần chúng.

Loạt bài được dự định tiếp tục với bác sĩ Đặng Văn Ngữ, nhà sử học Đào Duy Anh, nhà văn Nguyễn Đình Thi... nhưng cho đến số cuối cùng được ra mắt là số 5, ngày 20 tháng 11 cùng năm, Nhân văn chỉ có thể công bố bài phỏng vấn Đặng

Trong cuốn tự truyện viết bằng tiếng Pháp *Un Ex-communié, Hanoi 1954-1991: Procès d'un intellectuel* (Kể bị mất phép thông công, Hà Nội 1954-1991: Bản án cho một trí thức), do Quê Mẹ xuất bản năm 1992 tại Paris, theo bản dịch của Nguyễn Quốc Vĩ, luật sư Nguyễn Mạnh Tường viết²:

Sau Điện Biên Phủ, ai cũng biết rằng Hiệp định (Genève) chia đôi Việt Nam thành hai phần: phía Bắc do Nhà nước cộng sản nắm, phía Nam do chính quyền thân Mỹ Ngô Đình Diệm nắm. Mặc dù rất đúng luật về mặt hình thức, Hiệp định Genève đã xâm phạm quyền của một dân tộc từ ngàn xưa đã luôn luôn sống trên một đất nước duy nhất. Từ rất sớm, khởi nghĩa vũ trang đã được tổ chức trên cả vùng chống lại nhà cầm quyền, khởi đầu cho những bước thống nhất đất nước. Để phản công, nhà cầm quyền phía Nam đã bắt cầm tù một số trí thức như luật sư Nguyễn Hữu Thọ và giáo sư Phạm Huy Thông, kết án họ là những người cầm đầu cuộc nổi dậy, và tiến hành việc đàn áp đẫm máu những người mà họ cho rằng nuôi dưỡng những khuynh hướng nhằm thống nhất Tổ quốc.

Chính nghĩa thống nhất đất nước phải được biện hộ trước diễn đàn quốc tế; dư luận quốc tế phải được thông tỏ chuyện gì đang xảy ra ở miền Nam Việt Nam. Năm 1956, Hiệp hội Luật gia Dân chủ triệu tập hội nghị thế giới ở thủ đô Bruxelles của Bỉ. Trước cơ hội thật lớn lao đó, nhà cầm quyền (phía Bắc) liền tổ chức một đoàn đại diện để đi tuyên truyền cho chính nghĩa của mình. Trong cương vị là Chủ tịch Luật sư Đoàn và là Phó Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam, tôi được giao phó làm trưởng đoàn, cùng với luật sư người Công giáo Nguyễn Huy Mân là hội thẩm, đồng thời là Chủ tịch Tòa án Quân sự và cũng là một quan chức cao cấp của Đảng. Nhiệm vụ của chúng tôi là làm sao được hội nghị đưa ra nghị quyết dân tộc quyền đầu tranh để thống nhất đất nước của dân tộc.

Khi chiếc máy bay Sabrina đáp xuống phi trường

Văn Ngữ và Đào Duy Anh. Ngày 30 tháng 10 năm 1956 luật sư Nguyễn Mạnh Tường, với tư cách thành viên của Mặt trận Tổ quốc, đã đọc một bài diễn văn tại một cuộc họp của Mặt trận Tổ quốc ở Hà Nội, phân tích sâu sắc những sai lầm của Đảng và Nhà nước trong cải cách ruộng đất và đề ra phương hướng tránh mắc lại. Sau phát biểu này, ông bị tước hết mọi chức vụ và danh vị nghề nghiệp.

Ông mất ngày 13 tháng 6 năm 1997 tại Hà Nội, thọ 88 tuổi.

(Trích tiểu sử đăng cuối bản dịch của Nguyễn Quốc Vĩ)

²Phần trích nhiều trang này, từ trang 9 đến trang 13 theo bản dịch của Nguyễn Quốc Vĩ trên Internet, tương ứng với nguyên bản trong sách tiếng Pháp do Quê Mẹ xuất bản năm 1992 từ trang 31 đến 40. Trong phần này, tuy có vài chỗ khó hiểu, như mấy chữ "*La sagesse latine*" (trang 34) đã được dịch là "danh ngôn của Hy Lạp" thay vì danh ngôn La Tinh. Ngoài ra, phái đoàn Hà Nội đi Bruxelles gồm 4 người (trang 32), ngoài trưởng đoàn Nguyễn Mạnh Tường, còn ông Nguyễn Huy Mân, luật sư Công giáo; Lê Văn Chất, chánh thẩm tòa án mặt trận, và Bùi Lâm, nhân vật cao cấp trong Đảng và là phụ thẩm tòa mặt trận, nhưng trong bản dịch chỉ thấy tên ông Nguyễn Huy Mân. Tuy nhiên, vì bản dịch của Nguyễn Quốc Vĩ đã được phổ biến rộng rãi trên ít nhất 5 websites sau đây (talawas, Viet-studies, Thông Luận, Sài Gòn Echo, Dân Luận), nên phần trích cũng theo đúng bản dịch này, để tiện việc tham khảo. Xin thành thật cảm ơn dịch giả Nguyễn Quốc Vĩ.

cũng vừa lúc hoàng hôn. Một thư ký hội nghị đón và đưa chúng tôi về khách sạn. Sau khi tắm rửa và thay quần áo, chúng tôi xuống phòng ăn rộng mênh mông và lộng lẫy sáng chói. Tất cả những chiếc bàn tròn được phủ những chiếc khăn không một vết nhơ trang trí với những bình hoa đều có khách ngồi. Chúng tôi là những kẻ đến sau cùng để chiếm cái bàn duy nhất còn lại. Sau bữa ăn, chúng tôi vào phòng khách và được một đoàn tiến gần tiếp cận: đó là đoàn của Bắc Triều Tiên. Chúng tôi làm quen thật nhanh chóng, hai đất nước có số phận giống nhau.

Đoàn chúng tôi chia nhau mỗi người đi gặp một đoàn bạn để tranh thủ cảm tình cho chính nghĩa của mình. Cá nhân tôi, tôi đã tìm gặp ông Chủ tịch Luật sư Đoàn Bruxelles và thảo luận với Chủ tịch Đoàn của hội nghị nhằm đưa vào nghị trình vấn đề của chúng tôi. Họ từ chối một cách rất lễ độ là chương trình đã đầy, không còn thời gian trống, và hơn nữa hội nghị đã định cho mình sứ mạng gìn giữ hoà bình và không ủng hộ bất cứ một cuộc khởi nghĩa vũ trang nào, dù là có chính nghĩa. Tôi vẫn không mất can đảm, vẫn tiếp tục tranh thủ trưởng đoàn các nước, những người mà tôi cho rằng có trình độ trí thức cao, những người mà tôi cho rằng có một ảnh hưởng nhất định, là việc đưa vấn đề cực kỳ thiết thân của chúng tôi vào nghị trình là một việc cần thiết. Những cố gắng ấy cuối cùng cũng được đền đáp bằng một thành công thật may mắn: vấn đề của Việt Nam được đưa vào nghị trình nhưng được sắp vào lúc cuối cùng của hội nghị. Chúng tôi thật nản lòng. Kinh nghiệm những hội nghị quốc tế như thế này, càng lúc vào phút cuối, phần lớn các đoàn là đã tranh thủ lo vé máy bay, sửa soạn hành lý để ra về. Quả thật chúng tôi thật nặng lòng và buồn phiền chờ buổi kết thúc hội nghị. Chắc chúng tôi tham dự hội nghị lần này là mất công toi. Chúng tôi phải ăn nói ra sao với lãnh đạo đây?

Một bất ngờ đã xảy ra. Sau khi bài tham luận chót được đọc thì đoàn Việt Nam được mời lên diễn đàn. Chúng tôi thật tình không chờ đợi một cử chỉ lịch sự như thế vào lúc chót. Tôi liền lên bục ngay sau khi

Chủ tịch Đoàn loan báo hội nghị được kéo dài thêm mười lăm phút. Lòng tôi thật vui sướng và tim tôi đập loạn xạ. . . Bằng giọng nói đầy xúc cảm, tôi bắt đầu trình bày luận đề.

Đấu tranh, dù là có vũ trang, với mục tiêu loại bỏ sai trái hay trừ bỏ bất công, đàn áp, hành động man rợ, hay để loại bỏ những chướng ngại ngăn cản sự tiến bộ của hoà bình là cái mở đầu, là giai đoạn đầu tiên cho một ngày kiến tạo và gìn giữ hoà bình. Danh ngôn của Hy Lạp đã nói muốn có hoà bình phải chuẩn bị chiến tranh. Phải chăng là không có mâu thuẫn giữa chiến tranh và hoà bình, khi mà chiến tranh xâm lược đã giết chết hoà bình, mặt khác, chiến tranh có chính nghĩa là để giành được hoà bình, gìn giữ và bảo vệ nó. Chỉ có kẻ ngây thơ và trẻ con mới tin rằng chiến tranh là đối ngược với hoà bình, là hai mặt đối kháng lẫn nhau không thể nhân nhượng như thể giữa đêm và ngày. Ai có thể chấp nhận một quan điểm mơ hồ như thế? Tôi đã mang hết những lý lẽ tình cảm, chủng tộc, lịch sử, ngôn ngữ, kinh tế và xã hội để vận động cho chính nghĩa của dân tộc Việt Nam.

Trong phần kết, tôi trình bày với người nghe bằng những ý như sau: “Thưa các bạn Ba Lan và Hung Gia Lợi, mới ngày hôm qua, các bạn đã đau khổ nhìn quê hương bị chia năm xẻ bảy; thưa các bạn người Hàn và người Đức, các bạn cũng đau đớn chịu nỗi bất hạnh như thế. Nhưng các bạn may mắn hơn chúng tôi là không phải thấy với chính mắt mình những nét mặt đau đớn, được nghe tận tai tiếng hét của những người, có cùng dòng máu chảy trong huyết quản, có con tim cùng chia sẻ những buồn vui với bạn, phải quần mình đau đớn dưới bàn tay của những kẻ đao phủ.”

Tôi không biết, trong số những người đang nghe tôi ngày hôm nay, có ai đã, vì bó buộc của nghề nghiệp, phải tận mắt chứng kiến cảnh thân chủ của mình bị hành hình. Đó là thời thực dân chiếm đóng. Tòa án Hà Nội đã chỉ định tôi làm luật sư bào chữa cho một tên cướp biển người Hoa bị án tử hình, người này ở vịnh Hạ Long đã giết hơn mười hành khách trên một chiếc tàu. Tôi được chỉ định bào chữa cho hắn và phải có mặt khi hắn bị hành hình. Bản mặt hung ác của hắn không làm ai cảm tình, nhưng ánh mắt cuối cùng khi hắn dứt đầu vào máy chém làm tôi thấy tội nghiệp. Tôi nhìn đi nơi khác khi lưỡi dao rất xuống cắt gọn ngang cổ hắn. Một dòng máu phụt ra, cái đầu rớt một bên, cái thân một bên rớt vào cái hòm với đầy mặt cưa.

Thưa các bạn, cái máy chém đó có từ thế kỷ trước. Nó chẳng những được dùng để chém đầu những kẻ phạm tội ác, mà còn dùng để chém đầu những người con yêu nước đang đấu tranh để thống nhất Tổ quốc, để khùng bố dân lành và để trấn áp lòng yêu nước của

họ.

Và cầu Hiền Lương với tên gọi mang âm hưởng tử tế như thế lại là cây cầu chia cắt Việt Nam thành hai miền, phải chăng đó là lưỡi dao nhọn đâm thẳng vào da thịt của người dân, chia tách gia đình ở hai bên bờ không thể nhìn nhau với con mắt đầy lệ. Dòng sông không còn là nước chảy mà mang trong lòng nó những dòng nước mắt của phân ly, những dòng máu của những người can đảm vượt sông để rồi ngã xuống bởi những viên đạn bắn từ những con Tàu tuần cao tốc.

Các bạn đồng nghiệp thân mến, trong suốt thời gian hành nghề, chúng ta ít nhất đã một lần chứng kiến cảnh chia tay của một cặp vợ chồng. Trong buổi hoà giải đầu tiên ở toà, chắc các bạn đã không bao giờ quên nét căng thẳng của hai cha mẹ, và hơn thế nữa ánh mắt sợ hãi và đầy nước mắt của những đứa con hết nhìn cha rồi lại nhìn mẹ, hết nhìn mẹ rồi lại nhìn cha, chúng cảm thấy đau đớn trước thảm cảnh chia lìa của mẹ cha, trước sự sụp đổ của hạnh phúc gia đình, bi kịch của một sự đau khổ đã quét đi một gia đình mà chỉ mới hôm trước đây được chung sức xây đắp, đầy ắp tiếng cười vui, nhưng ngày mai đây, mỗi người sẽ ngồi khóc thầm lặng trong một góc của mình trước nỗi bất hạnh không thể nào cứu vãn. Làm thế nào người thầy cãi chúng ta lại có thể đứng trước một gia đình tan vỡ, nhất là khi cái gánh nặng buồn đau lại đổ trên vai của những đứa con?

Hơn thế nữa, các đồng nghiệp thân mến, không phải chỉ có một gia đình bị tan vỡ mà hàng triệu gia đình đang kêu than và khổ não. Vĩ tuyến 17 không chỉ là một đường biên vô hình hay một đường chia tự nhiên của địa hình, mà là một làn sóng phóng đi những tiếng kêu van, trách móc và than khóc của hàng triệu người bị buộc phải xa lìa nhau mà không hề biết tại sao, sự tàn ác của những người đã bắt họ phải chịu đọa đầy vì cách chia và cô quạnh. Làn sóng đó cũng phát đi những tiếng uất hờn và hận thù của hàng chục ngàn người con yêu nước đã phải chết gục dưới làn đạn hay máy chém, duy nhất chỉ vì họ muốn sống trong một đất nước thống nhất, cho họ và cho người khác!

Tôi vừa nhắc đến một từ thiêng liêng: Hoà bình. Chúng ta tập trung nhau ngày hôm nay ở đây là để gìn giữ Luật pháp và Hoà bình. Nhưng ở hội nghị này, người ta đã nhân danh Hoà bình đó để từ chối ghi vấn đề của Việt Nam vào chương trình nghị sự. Một vài đồng nghiệp, chắc chắn là rất thiện chí, lại quan tâm đến chữ nghĩa hơn là ý nghĩa sâu thẳm của hai chữ Hoà bình, đã cho rằng mọi đấu tranh có vũ trang không thể được hội nghị ủng hộ vì chúng ta phải bảo vệ Hoà bình. May mắn thay họ đã nghĩ lại đúng lúc và lương tri đã thắng: chúng tôi đã đứng đây, trên

diễn đàn này để mong mọi người quan tâm sâu sắc và ủng hộ những cố gắng của Việt Nam chúng tôi nhằm kiến tạo Hoà bình và thống nhất Tổ quốc.

Chúng tôi thấu hiểu rõ ràng rằng, qua quá nhiều hy sinh mất mát trong Thế chiến thứ II, chịu đựng tàn phá của bom nguyên tử, sống những ngày như sắp tận thế, nhân loại trở nên tê liệt vì sợ hãi, lại càng cảm thấy nhu cầu khẩn thiết được sống trong Hoà bình và lại càng muốn gìn giữ nó! Nhưng sợ hãi đã trở thành nỗi ám ảnh, mâu thuẫn giữa chiến tranh và hoà bình đã được đơn giản hoá, bình dân hoá và càng trở nên mù mờ, từ đó cái định kiến chiến tranh và hoà bình là hai mặt đối kháng lại càng được củng cố. Cách suy nghĩ đó đã cản trở lối suy nghĩ biện chứng cho thấy quan hệ qua lại hai chiều của chúng. Người bình dân thường hay bám vào vào những suy nghĩ hời hợt của vấn đề, họ cũng thường hay lập nên những rào ngăn không thể vượt giữa ngôn từ, chữ này chối bỏ chữ kia. Bốn phận của chúng ta là phải vượt qua cách suy nghĩ chỉ nặng phần ngữ âm và cú pháp, để đào sâu từng ý nghĩa sinh động trong nội dung từng câu chữ, nhận thức chúng qua thực tế cụ thể và sinh động. Chúng tôi lúc này có nói đến câu danh ngôn Hy Lạp ‘Si vis pacem, para bellum’ [Muốn có hoà bình phải chuẩn bị chiến tranh], chúng ta không nên hiểu nó như cái gì gây hại, mà phải hiểu là không có lần ranh giữa chiến tranh và hoà bình.

Chúng ta nhớ rằng năm 1938, ông Neville Chamberlain đã ký kết Hiệp ước Munich và tuyên bố rằng hoà bình đã được cứu vãn! Sai lầm: hiệp ước đó chỉ là một báo trước cho cuộc chiến xảy ra một năm sau đó! Ngược lại, một cuộc chiến với chính nghĩa và hợp pháp chống lại kẻ xâm lăng giành lại độc lập cho Tổ quốc và tự do cho nhân dân, chấm dứt sự chia cắt hai miền, biến nước mất vì khổ đau thành nước mất của mừng vui là có phải chăng là một cuộc chiến báo hiệu cho một nền hoà bình công bằng, vững bền và thật sự, nó đoàn tụ những gia đình ly tán, chấm dứt việc khốc thân của những kẻ vô tội, làm những nụ cười khô héo nở hoa trở lại trên môi, mang lại hạnh phúc và hy vọng cho trái tim, tìm được niềm vui của cuộc sống, được tái sinh trở lại như một con người. Trong ngôn ngữ của nhân loại, hay ít nhất là của chúng tôi, cuộc chiến đó tên gọi là Hoà bình.

Không phải bốn phận của chúng ta, những Luật sư Dân chủ, là làm dễ dàng cho việc thiết lập nền hoà bình như thế trên thế giới bằng cách ủng hộ những cuộc đấu tranh để có một kết thúc thực mỹ mãn. Cho phép tôi được nêu vấn đề để mong quý vị quan tâm. Tôi hy vọng rằng khát vọng của dân tộc tôi sẽ không bị biến thành thất vọng và tôi hy vọng nhận được những

giúp đỡ động viên của quý vị để giúp dân tộc tôi cống hiến nhiều hơn nữa.

Những cố gắng đã mang lại thành công mỹ mãn và chúng tôi đã đạt được những gì mà dân tộc mong đợi.

Trở về Hà Nội, chúng tôi được khen ngợi nồng nhiệt bởi đã mang lại những thành quả bất ngờ mà chúng tôi gặt hái được ở Hội nghị ở Bruxelles. Một buổi chiêu đãi để vinh danh chúng tôi được Bộ Ngoại giao tổ chức³.

Về đến Hà Nội, tôi tràn ngập trong “vinh dự”. Khoa trưởng của trường Luật, một trường đang chết, Phó Chủ tịch Hội Luật gia, Thủ lãnh Luật sư Đoàn, phó Khoa trưởng Sư phạm, giáo sư phụ trách việc giảng dạy về Văn chương Pháp, thành viên ban chấp hành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng thời cũng nằm trong ban bí thư của Mặt trận Tổ quốc Hà Nội, thành viên của Hội Huynh đệ Việt – Pháp, Hội Huynh đệ Liên Xô - Việt Nam, thành viên của Ủy ban Bảo vệ Hoà bình Thế giới, chủ tịch sáng lập Câu lạc bộ Đoàn kết Trí thức... Đó là những “vinh dự” mà tôi mang, đủ để in đầy hai mặt của tám danh thiếp⁴.

Bài biện hộ cho chính nghĩa thống nhất đất nước bằng chiến tranh của luật sư Nguyễn Mạnh Tường thật hùng hồn. Nhờ vậy, ông đã chuyển bại thành thắng tại Bruxelles, và khi trở về đã được hưởng vinh dự, dù chữ vinh dự (d'honneurs) đã được ông để trong ngoặc kép.

noincent Luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã thuyết phục được các đồng nghiệp ngoại quốc của ông. Nhưng người Việt Nam thấy gì qua những lời hùng biện của vị luật sư danh tiếng này?

Điều đáng nói là không phải luật sư Nguyễn Mạnh Tường là một trí thức ngây thơ, không biết gì về chế độ cộng sản. Ông đã hợp tác với cộng sản từ năm 1946, và vì biết rõ cộng sản, đã từ chối vào Đảng năm 1952. Ông từng nói: “Chính vì không muốn lý trí của mình trở nên đòi bại mà không ít trí thức đã từ chối lời mời gia nhập Đảng”.

Sau khi thành công tại Bruxelles, trên đường về nước, ông được đoàn Luật sư Dân chủ Liên Xô đón tại Moskva. Trong một cuộc thảo luận riêng, ông đã nói về Đảng Cộng sản Việt Nam (khi đó còn mang danh Đảng Lao động) với các đồng nghiệp Liên Xô

³Cuối trang 26 theo bản dịch, trang 71 bản tiếng Pháp

⁴Đầu trang 27 theo bản dịch, trang 75 bản tiếng Pháp

rằng:

“... với niềm tin cho rằng mình là vô địch, Đảng nghĩ rằng mình có thể áp chế nhân dân, chơi đùa trên sinh mạng của họ, buông lơi luật pháp, hành động với sự tàn ác vô nhân tính như đã xảy ra trong đợt Cải cách Ruộng đất, một kỷ niệm đau buồn không bao giờ quên được trong tâm khảm của người dân. Vì vậy, vấn đề quan tâm là trách nhiệm của Nhà nước và chính xác hơn, là trách nhiệm của bọn chuyên quyền đã thống trị nó.”

Đã biết rõ những sai lầm nghiêm trọng của Đảng Cộng sản trong Cải cách Ruộng đất, và đặc biệt quan tâm về trách nhiệm của kẻ cầm quyền “chơi đùa trên sinh mạng” người dân, nhưng luật sư Nguyễn Mạnh Tường vẫn cố võ cho chủ trương thôn tính miền Nam, mà ông gọi là “chính nghĩa thống nhất đất nước”.

Được Hà Nội cử đi Bruxelles với nhiệm vụ vận động dư luận quốc tế ủng hộ cuộc chiến chiếm miền Nam, có viên chức cao cấp của Đảng đi kèm, tất nhiên không ai mong luật sư Nguyễn Mạnh Tường, trong dịp này lên tiếng chỉ trích những sai lầm tại miền Bắc. Nhưng người ta có quyền mong rằng, khi nói về tình hình miền Nam, là một trí thức hàng đầu của Bắc hà, ít ra lời nói của ông cũng nên dựa trên sự thật. Nếu chưa đọc kỹ những lời biện hộ hùng hồn đã dẫn, xin hãy đọc lại để nhận ra những điều đáng phàn nàn.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường nói rằng, từ rất sớm, chống đối vũ trang đã được tổ chức chống lại nhà cầm quyền miền Nam, mở đầu cho những bước thống nhất đất nước, và miền Nam đã tiến hành việc đàn áp đẫm máu những người mà họ cho rằng nuôi dưỡng những khuynh hướng nhằm thống nhất Tổ quốc.

Trong thời gian hai năm, từ 1954 đến 1956, tại miền Nam có những cuộc đánh dẹp các nhóm giáo phái võ trang, hay băng đảng lộng hành như Bình Xuyên. Các nhóm này không liên hệ gì tới nhu cầu thống nhất đất nước. Ngoài ra, còn hoạt động của các cán binh nằm vùng do Việt Minh để lại. Họ không phải là nhân dân nổi dậy đòi thống nhất. Miền Nam có bắt giữ một số trí thức như luật sư Nguyễn Hữu Thọ và giáo sư Phạm Huy Thông, nhưng cũng theo lời luật sư Nguyễn Mạnh Tường, các vị này đã “vượt ngục an toàn”. Nếu quý vị này là nạn nhân của những cuộc đàn áp đẫm máu, sao có thể vượt ngục an toàn? Thời gian này, nếu có những cuộc đàn áp đẫm máu ở đâu đó trên lãnh thổ Việt Nam, thì đó là chuyện xảy ra tại miền Bắc, không phải miền Nam. Chỉ 5 tháng

sau cuộc họp tại Bruxelles, tại Hà Nội, trong cuộc họp của Mặt trận Tổ quốc ngày 30 tháng 10, 1956, để thảo luận về những sai lầm trong Cải cách Ruộng đất, chính luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã nói trước khi phát biểu: “Tôi xin phép các vị được kính cẩn nghiêng mình trước kỷ niệm những người vô tội đã chết oan, không phải vì bàn tay của địch mà chính của ta”.

Ngoài hàng trăm ngàn nạn nhân bị chết oan vì Cải cách Ruộng đất diễn ra công khai, còn những cuộc tàn sát tập thể diễn ra trong bóng tối. Chính luật sư Nguyễn Mạnh Tường, sau khi đã bị Đảng thất sủng, đã nhớ lại những bí mật được nghe vào thời về những làng mạc thôn xóm vì nghề nghiệp luật sư:

“Thường khi, trong những túp lều tranh vào buổi tối, những người chủ kể cho tôi nghe những câu chuyện thương tâm buốt nhói. Trong cảnh tranh tối tranh sáng của hoàng hôn, ở bìa những cánh rừng, họ thấy từng hàng người lê chân, ốm đói như những bộ xương biết đi. Một giờ trôi qua, hàng loạt tiếng súng từ trong rừng vọng về kéo họ chòng dậy ra khỏi giấc ngủ đang say.”

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường viết: “*Chính nghĩa thống nhất đất nước phải được biện hộ trước diễn đàn quốc tế; dư luận quốc tế phải được thông tỏ chuyện gì đang xảy ra ở miền Nam Việt Nam*”. “Thống nhất đất nước” là một chính nghĩa. Bảo vệ tính mạng tài sản và hạnh phúc của dân cũng là chính nghĩa. Người cầm quyền phải biết cân nhắc, dung hòa. Không thể cứng nhắc hy sinh chính nghĩa này để đạt chính nghĩa khác. Khi chủ trương “*dư luận quốc tế phải được thông tỏ chuyện gì đang xảy ra ở miền Nam Việt Nam*”, luật sư Nguyễn Mạnh Tường có nghĩ rằng dư luận quốc tế cũng phải được thông tỏ chuyện gì đang xảy ra ở miền Bắc Việt Nam? Những chuyện mà ông biết rõ còn tệ hại hơn tại miền Nam rất nhiều.

Ngay khi vừa tới Bruxelles, luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã gặp phái đoàn của Bắc Triều Tiên. Dù không có dịp gặp phái đoàn này, chắc ông cũng thừa biết cuộc chiến tranh Cao Ly kéo dài từ 1950 đến 1953 do Bắc Triều Tiên chủ xướng để thôn tính Nam Hàn bằng võ lực đã đẫm máu, tốn kém và vô ích như thế nào. Nhưng ông vẫn cố võ cuộc chiến thôn tính miền Nam Việt Nam là cuộc chiến theo lời ông, “*có tên gọi là Hòa bình*”.

Tại Bruxelles, lúc đầu, khi yêu cầu của phái đoàn từ Hà Nội về một nghị quyết hậu thuẫn cho cuộc chiến thống nhất không được tích cực đón nhận, luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã than vãn: “*Chắc chúng*

tôi tham dự hội nghị lần này là mất công tôi. Chúng tôi phải ăn nói ra sao với lãnh đạo đây?” Một trí thức cỡ lớn như luật sư Nguyễn Mạnh Tường, trước sự thành bại của một chủ trương lớn có liên hệ tới chiến tranh hay hòa bình của dân tộc mình, đáng lẽ ông chỉ nên quan tâm phải ăn nói thế nào với lương tâm mình, và lịch sử dân tộc. Đằng này, ông lo lắng *“phải ăn nói ra sao với lãnh đạo đây?”* Người cộng sản từng tỏ ra coi thường trí thức, chẳng phải là vô cơ.

Những ai đã đọc qua lịch sử nước Pháp, giai đoạn xảy ra cuộc Cách mạng 1789, đều biết tới hình ảnh kinh sợ của cái máy chém. Nó đã được sử dụng liên tục, chém đầu từ vua, hoàng hậu, quý tộc, thứ dân, nhà báo, và cả các lãnh tụ cách mạng. Giới luật sư, ai chẳng biết công dụng của cái máy chém. Luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã dùng máy chém là biểu tượng của thời kỳ cai trị bằng sự khiếp sợ (Reign of Terror) trong lịch sử châu Âu để gắn liền với tình hình miền Nam Việt Nam:

“Thưa các bạn, cái máy chém đó, có từ thế kỷ trước. Nó chẳng những được dùng để chém đầu những kẻ phạm tội ác, mà còn dùng để chém đầu những người con yêu nước đang đấu tranh để thống nhất Tổ quốc, để khủng bố dân lành và để trấn áp lòng yêu nước của họ.”

Tại miền Nam vĩ tuyến 17, từ 1954 đến 1956, có bao nhiêu người đã phải lên máy chém chỉ vì *“đấu tranh để thống nhất Tổ quốc?”* Người viết chỉ còn nhớ rõ một trường hợp tử tội là ông Ba Cụt, nhưng không phải vì ông tranh đấu đòi thống nhất. Dù có đến hàng chục, và chắc không đến hàng trăm người phải lên máy chém tại miền Nam, ít ra họ cũng đã được xét xử tại tòa án theo thủ tục pháp lý thông thường, có luật sư biện hộ, chứ không đến nỗi bị xử và hành hình dã man như tại các *“tòa án nhân dân”* thời Cải cách Ruộng đất, hay âm thầm tại bìa rừng trong đêm tối mà luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã biết quá rõ. Chính ông đã nói 5 tháng sau về những sai lầm của Cải cách Ruộng đất rằng: *“Quyền xử tử người một cách đơn giản như vậy trái với luật pháp: đó chỉ là một giải pháp chính trị mà thôi”*.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã so sánh tình trạng đất nước chia đôi với *“cảnh chia tay của một cặp vợ chồng”*, và tự đặt câu hỏi: *“Làm thế nào người thầy cãi chúng ta lại có thể đứng trước một gia đình tan vỡ, nhất là khi cái gánh nặng buồn đau lại đổ trên vai của những đứa con?”* Ông nói tới *“những tiếng kêu van, trách móc và than khóc của hàng triệu người bị buộc phải xa lìa nhau mà không hề biết tại*

sao”, và *“những tiếng uất hờn và hận thù của hàng chục ngàn người con yêu nước đã phải chết gục dưới làn đạn hay máy chém, duy nhất chỉ vì họ muốn sống trong một đất nước thống nhất, cho họ và cho người khác!”*

Nhưng *“những tiếng kêu van, trách móc và than khóc của hàng triệu người bị buộc phải xa lìa nhau mà không hề biết tại sao”* mà ông nói đến là không đúng sự thật. Theo Hiệp định Genève, sau khi chia đôi đất nước, *“mọi người ở Việt Nam được phép tự do quyết định vùng mà họ muốn sinh sống”* (allow everyone in Viet-Nam to decide freely in which zone he wishes to live). Kết quả là 52 ngàn người dân đã từ miền Nam ra Bắc, và 800 ngàn người đã từ miền Bắc vào Nam. Cuộc ra đi tự nguyện của họ đã được dư luận gọi là *“bỏ phiếu bằng chân”*.

Nói bó buộc phải ra đi là sai. Nói ra đi mà *“không hề biết tại sao”* cũng xa sự thật không kém. Sự tan vỡ của một dân tộc, cũng như một gia đình, tùy thuộc vào cả yếu tố tinh thần và vật chất, như niềm tin tôn giáo hay lý tưởng chính trị, và phẩm chất của cuộc sống; gồm cả lối sống và sự yên ấm của bản thân. Những người ra đi đã trưởng thành đều biết rõ lý do sự chọn lựa của mình. Những người ra đi từ miền Nam là theo cộng sản, khi đó còn nấp dưới mặt nạ Việt Minh. Những người ra đi từ miền Bắc vì sợ cộng sản vô thần. Về phẩm chất của cuộc sống tại miền Bắc, ngoài những sai lầm giết hàng trăm ngàn người trong Cải cách Ruộng đất, và những vụ thanh trừng bí mật, cuộc sống còn vô cùng cơ cực bởi rất nhiều điều vô lý khác.

Chỉ năm tháng sau khi cổ võ cho *“chính nghĩa thống nhất đất nước bằng chiến tranh”* tại Bruxelles, trong cuộc họp ở Hà Nội về những sai lầm trong Cải cách Ruộng đất, chính luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã nói *“không những trong Cải cách Ruộng đất chúng ta đã phạm sai lầm nghiêm trọng mà cả trong nhiều khu vực khác nữa. Trong các khu vực này, sai lầm cũng đã đưa một số người trong quần chúng đến cái chết thê thảm”*.

Xin ghi lại mấy hậu quả sai lầm trong các khu vực khác bằng chính ngôn ngữ của luật sư Nguyễn Mạnh Tường, như: *“giai cấp công nhân đã phải lao động sản xuất hai năm nay mà không được bồi dưỡng đúng mức”*; *“Nào chèn ép các nhà kinh doanh tư nhân, nào lãng phí bao nghìn triệu trong khi thực hiện chính sách, nào tàn nhẫn với các người bán sức lao động cho mình, nào đưa ra thị trường sữa hư mà không bao giờ nghĩ đến tính mệnh của người ốm, của trẻ*

sơ sinh, nào tung ra bơ hỏng, thuốc lá mốc, phạm đến sức khỏe của nhân dân”; “quá nhiều nhân dân, tạo ra một đời sống thành thị điều đứng cho tất cả”; “Hàng trăm, hàng nghìn công chức cũ về hưu, với gia đình của họ, trước đây sống bằng lương hưu trí, hai năm nay không được ai chiếu cố đến, chết dần chết mòn, có người đâm đầu xuống sông tự tử, có người hai lần uống độc được để quyên sinh”.

Vẫn theo lời luật sư Nguyễn Mạnh Tường, trong khi ấy, Đảng không cần để ý tới nhân sinh, mà chỉ quan tâm tới lập trường: *“khi chọn một người vận lái ô tô, ta không hỏi người ấy có bằng vận lái và đã vận lái bao năm, ta chỉ hỏi: ‘Có lập trường không?’ Kết quả là từ hai năm nay, riêng trong thủ đô Hà Nội, hàng trăm tai nạn xảy ra do các người vận lái ô tô có lập trường mà không nắm chuyên môn. Khi đưa tới bệnh viện một bệnh nhân cấp cứu, vấn đề mang ra thảo luận trước tiên là: Bệnh nhân thuộc thành phần giai cấp nào? Chữa cho địa chủ thì mất lập trường. Để nó chết mới chứng minh mình có lập trường giai cấp.”*

Cùng trong bài phát biểu tại hội nghị ở Hà Nội cuối tháng 10, 1956, luật sư Nguyễn Mạnh Tường nói: *“Ngay trong thủ đô ta hiện thời, qua Đại hội lần thứ 3 của Mặt trận Thành, ta thấy phản ánh ý muốn của bao nhiêu đồng bào muốn đi Nam. Ta nghĩ đến các đồng bào, trong thời kỳ kháng chiến, gạt nước mắt mà trở về Hà Nội. Nếu cách mạng mang lại cho họ ánh sáng và hạnh phúc, sao lại có người lo ngại trước cách mạng, đau đớn vì cách mạng? Các người ấy không phải thuộc thành phần kẻ thù của cách mạng, trái lại thuộc thành phần cơ bản trong nhân dân, như nông dân, công nhân”.*

Ấy vậy mà 5 tháng trước, ông nói trước các đồng nghiệp ở Buxelles rằng những người ra đi đã kêu than vì bị bó buộc, và không hiểu tại sao phải ra đi. Còn việc ông nói *“hàng chục ngàn người con yêu nước đã phải chết gục dưới làn đạn hay máy chém”* chỉ vì muốn thống nhất, thì nhiều cán bộ cộng sản sống vào thời thịnh vượng nhất của miền Nam năm 1956 cũng có thể làm chứng là điều này không thật. Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ cũng ghi nhận: *“Từ 1954 đến 1956 đất nước vui hưởng cảnh tương đối yên tĩnh vì các cán bộ cộng sản để lại miền Nam chỉ chuyên về ‘tranh đấu chính trị’”.*

Là một luật gia tài ba, chính ông Nguyễn Mạnh Tường đã thừa nhận việc chia đôi Việt Nam thành hai phần là *“rất đúng luật về mặt hình thức”*. Ông đã ví sự phân chia này với hoàn cảnh một cặp vợ chồng ly dị, gây ra đau khổ cho các con. Nhưng không phải

tự nhiên mà một dân tộc phải phân ly hay một cặp vợ chồng ly dị. Chia ly vì không thể ở với nhau, vì bạo hành, gian trá hay phản bội. Cũng đã có những trường hợp phân ly rồi tái hợp. Nhưng chỉ có thể tái hợp khi những nguyên nhân đã gây ra phân ly thay đổi, hay không còn nữa. Và tái hợp chỉ thành tựu khi được sự thỏa thuận của các bên liên hệ. Trên thế giới này, có nước nào, có luật lệ nào, có đạo lý nào cổ võ việc một cặp vợ chồng ly dị hợp pháp phải tái hợp bằng võ lực?

Là người đã biết rõ những tệ hại của xã hội miền Bắc, nếu là người thực sự có từ tâm, luật sư Nguyễn Mạnh Tường nên mừng cho một nửa dân tộc mình đã thoát được cảnh lầm than, không phải khốn khổ như nửa còn lại phải chịu đựng dưới sự lãnh đạo của Đảng như ông chứng kiến. Nhưng ngược lại, ông đã bất chấp sự thật, cổ võ cho chủ trương dùng chiến tranh để chế ngự nửa dân tộc may mắn kia để bắt họ phải, chẳng những không được chung cảnh ngộ với nửa kém may mắn, mà còn bị đẩy xuống một mức thấp kém hơn. Làm như vậy, khác gì trao trứng cho ác, trong khi vận động dư luận tin rằng đó là việc làm cao cả. Đứng trước cảnh một gia đình ly dị hợp pháp, một luật sư có lương tâm có bao giờ ủng hộ việc dùng võ lực để bắt nửa gia đình đã thoát cảnh bị bạc đãi trở lại sống dưới bàn tay sắt của kẻ vũ phu?

Bài biện hộ hùng hồn của luật sư Nguyễn Mạnh Tường cho chủ trương thống nhất bằng chiến tranh đã có kết quả tốt. Ông viết: *“Những cố gắng đã mang lại thành công mỹ mãn và chúng tôi đã đạt được những gì mà dân tộc mong đợi”*. Khi nói *“chúng tôi đã đạt được những gì mà dân tộc mong đợi”*, ít nhất đã có sự lạm dụng hai chữ “dân tộc”. Không ai chối cãi rằng, nhờ luật sư Nguyễn Mạnh Tường, Đảng cầm quyền miền Bắc đã đạt được sự ủng hộ của Hội nghị Bruxelles cho chủ trương dùng chiến tranh để lấy miền Nam. Nhưng đây có phải là điều cả dân tộc mong đợi? Dân tộc là tất cả mọi người “từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau”. Ít nhất đa số trong nửa dân tộc sống ở Nam vĩ tuyến 17 không muốn bị thống nhất bằng chiến tranh; họ cũng chẳng muốn thống nhất miền Bắc bằng chiến tranh. Họ chỉ muốn một cuộc sống no đủ và yên ổn, để đợi ngày có thể thống nhất trong hòa bình.

Ngay nửa dân tộc sống tại miền Bắc, đã chắc gì tất cả đều mong đợi thống nhất bằng chiến tranh, để cả nước sống dưới quyền cai trị của cộng sản. Chính luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã nói vào tháng 10 năm 1956: *“Ngay trong thủ đô ta hiện thời, qua Đại hội lần thứ 3 của Mặt trận Thành, ta thấy phản*

ảnh ý muốn của bao nhiêu đồng bào muốn đi Nam”. Thành ra, ghi nhận của luật sư Nguyễn Mạnh Tường sẽ trung thực hơn, nếu hai chữ “dân tộc” được thay bằng “Đảng”: “Những cố gắng đã mang lại thành công mỹ mãn và chúng tôi đã đạt được những gì mà Đảng mong đợi”.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường còn diễn tả sai lạc việc áp dụng câu nói “*muốn có hòa bình phải chuẩn bị chiến tranh*” (nguyên văn lời ông: *La sagesse latine nous apprend que, pour avoir la paix, il faut préparer la guerre*). Chuẩn bị khác với phát động. Muốn có hòa bình, phải chuẩn bị chiến tranh để đối phương sợ mà không đánh. Chẳng cần phải có hai bằng tiến sĩ của Pháp năm 22 tuổi mới có thể phân biệt được sự khác nhau giữa chuẩn bị chiến tranh và phát động chiến tranh. Nói như vậy không phải có ý dăm mĩa mai, mà chỉ muốn nhấn mạnh rằng: Luật sư Nguyễn Mạnh Tường thừa biết sự khác biệt giữa chuẩn bị chiến tranh và chủ động chiến tranh, nhưng ông đã vận dụng khả năng xuất chúng của mình, hai lần diễn tả sai lạc danh ngôn của người xưa, để giúp cộng sản biến chủ trương bành trướng bằng võ lực thành cuộc chiến có chính nghĩa vì dân tộc. Ngay hành vi gây chiến đã đối nghịch với hòa bình. Thế mà luật sư Nguyễn Mạnh Tường cả quyết rằng: “*Chỉ có kẻ ngây thơ và trẻ con mới tin rằng chiến tranh là đối ngược với hoà bình!*”

Xin mời quý độc giả đọc lại lần nữa cuộc chiến “tên gọi là Hòa bình” theo sự cổ võ của luật sư Nguyễn Mạnh Tường: “*một cuộc chiến với chính nghĩa và hợp pháp chống lại kẻ xâm lăng giành lại độc lập cho Tổ quốc và tự do cho nhân dân, chấm dứt sự chia cắt hai miền, biến nước mất vì khổ đau thành nước mất của mừng vui là có phải chăng là một cuộc chiến báo hiệu cho một nền hoà bình công bằng, vững bền và thật sự, nó đoàn tụ những gia đình ly tán, chấm dứt việc khóc than của những kẻ vô tội, làm những nụ cười khô héo nở hoa trở lại trên môi, mang lại hạnh phúc và hy vọng cho trái tim, tìm được niềm vui của cuộc sống, được tái sinh trở lại như một con người. Trong ngôn ngữ của nhân loại, hay ít nhất là của chúng tôi, cuộc chiến đó tên gọi là Hoà bình.*”

Trước hết nói về “*một cuộc chiến với chính nghĩa và hợp pháp chống lại kẻ xâm lăng giành lại độc lập cho Tổ quốc và tự do cho nhân dân*”. Luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã thừa nhận việc chia đôi đất nước theo Hiệp định Genève là đúng luật. Ở đây ông nói tới một cuộc chiến chống lại tình trạng hợp pháp đó, và ông gọi là cuộc chiến hợp pháp! Lý luận của ông thật lạ lùng. Rồi đến việc “*chống lại kẻ xâm lăng*

giành lại độc lập cho Tổ quốc”: Năm 1956 là thời hạn chót Pháp rời khỏi Việt Nam, không có kẻ xâm lăng nào còn ở Nam Việt Nam, nên không có đe dọa nào cho nền độc lập của Tổ Quốc, trừ những đe dọa từ phía thế giới cộng sản. Luật sư Nguyễn Mạnh Tường không nêu ra bằng cứ về tình trạng mất độc lập của miền Nam, nhưng ông đã xác nhận tình trạng lệ thuộc nước ngoài của miền Bắc:

“Cá nhân tôi, qua những quan sát, phân tích và suy nghĩ, tôi đã đi đến một số kết luận về những sai lầm của Đảng. Thứ nhất, cái mà giáng lên ngay cả những người ít học nhất, là thái độ nô lệ thân phục hoàn toàn trước hai ‘ông anh lớn’ Liên Xô và Trung Quốc. Sự thân phục hoàn toàn không chỉ ở mức độ chủ thuyết mà họ là người biện hộ cho tính chính thống của Liên Xô và Trung Quốc, mà còn biểu hiện ngay trong cách ăn mặc, hội họp riêng chung, cung cách chào hỏi nhau và cả đến lối sống v.v. Việt Nam đã mất bản sắc dân tộc để trở nên một khuôn rập phản ảnh hai nước Liên Xô và Trung Quốc...”

Bây giờ nói tới cuộc chiến “*giành tự do cho nhân dân*”: Riêng cái bẫy mang tên “Trăm hoa đua nở” và vụ Nhân văn - Giai phẩm đã đủ cho thấy nhân dân miền Bắc cần tự do dân chủ hơn miền Nam. Luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã tự nói ra điều này:

“[S]ự lừa dối mà cộng sản đã tung ra phong trào ‘Trăm hoa đua nở’, không phải để giải phóng họ ra khỏi những xiềng xích mà để lật mặt nạ của những kẻ ngây thơ tin rằng đã đến lúc có tự do ngôn luận đáp ứng những ước vọng dân chủ của mình. Không thể nào có chuyện một đảng cộng sản độc quyền chính trị lại có thể tự mình thích nghi được với những tự do dân chủ...”

Làm thế nào để một đảng độc tài miền Bắc có thể phát động một cuộc chiến để đem lại tự do dân chủ cho nhân dân miền Nam?

Dù gọi bằng bất cứ tên gì, dù có chính nghĩa hay không, mọi cuộc chiến đều đưa đến hậu quả tất yếu là hận thù. Chiến tranh gây đổ máu, chết người, đau khổ, kẻ thắng, người bại. Khi chiến tranh kết thúc, kẻ thắng là “anh hùng”, kẻ bại là “ngụy”. Kẻ thắng có toàn quyền định đoạt về sinh mạng và tài sản của kẻ bại. Kẻ bại không còn gì, ngoài thù hận trong lòng. Không thể có công bằng trong cuộc sống chung giữa anh hùng và ngụy. Những gia đình ly tán Bắc Nam đã ly tán xa hơn nữa giữa các châu lục. Những kẻ vô tội không chấm dứt khóc than, mà khốn khổ chất chồng trong các trại cải tạo và vùng kinh tế mới.

Những con người còn sót lại trong chiến tranh không tái sinh trong cuộc sống với niềm vui và nụ cười mà biến thành con vật.

Đây không phải là lý luận hay giả tưởng, mà là thực tế đã được chứng nghiệm. Mục đích sự thống nhất một dân tộc phân ly hay tái hợp một gia đình tan vỡ là để vui hưởng cuộc sống chung, cùng nhau xây dựng tương lai, chia ngọt sẻ bùi, không phải là cưỡng bách người nọ làm nô lệ cho người kia, người nọ cướp của và hành hạ người kia. Sau khi thống nhất đất nước bằng chiến tranh 35 năm trước, bên thắng đã vơ vét mọi thứ từ bên thua, thượng vàng hạ cám; ngay đến cái tên thân yêu từ bao nhiêu đời của miền Nam là Sài Gòn cũng bị lấy mất. Theo ngôn ngữ thông thường, lấy lén gọi là ăn trộm; cưỡng đoạt bằng sức mạnh là ăn cướp. Như thế là theo đuổi chính nghĩa thống nhất, hay “chính nghĩa” ăn cướp?

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường viết: *“Trong những năm 1989-1990, cả nước bàng hoàng thất vọng và kinh hoàng trước tội ác của những đảng viên biến chất, nhiều quan chức cao cấp của Đảng và của nhà nước đã hành xử như những băng đảng trộm cướp, đã nuốt nhiều tỉ đồng của công quỹ để thỏa mãn ham muốn dè tiện của mình”*. Không phải đợi đến năm 1989-1990 các đảng viên cao cấp mới biến chất và hành động như kẻ cướp. Họ đã hành động như thế từ khi đất nước thống nhất bằng chiến tranh năm 1975. Và trước đó, chính luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã biết rõ mặt thật của họ từ năm 1956. Thế mà ông đã cổ vũ cho họ dùng chiến tranh để khống chế cả nước.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường nói vào tháng 10, 1956: *“Nếu không có quyết nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô, nếu không có những sai lầm cực kỳ tai hại trong Cải cách, ta chưa mở mắt được, ta sẽ còn thấy bao nhiêu máu oan chảy thành suối thành sông, bao nhiêu người kính yêu cách mạng mà vẫn đau sót rời bỏ cách mạng. Tuy ta phải trả một giá quá cao, nhưng bây giờ ta biết rõ nguyên do của các đau khổ của ta: ta thiếu dân chủ”*.

Quyết nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô ra đời từ tháng Hai 1956, những sai lầm cực kỳ tai hại trong Cải cách cũng xảy ra từ trước, nghĩa là luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã mở mắt khi ông được cử

đi dự Hội nghị Bruxelles. Ông đã biết miền Bắc phải trả giá quá cao, và ông nhấn tâm dọn đường để miền Nam cũng phải trả cái giá đó. Dân miền Nam đâu phải người nước ngoài, hay kẻ thù của miền Bắc. Họ là nửa khối dân tộc Việt, cũng có những vui buồn ước mơ như mọi người Việt khác. Tại sao coi việc gây chiến để khống chế họ là theo đuổi mục tiêu vì dân tộc và hòa bình?

Kết luận bản điều trần về những sai lầm trong Cải cách Ruộng đất tại Hà Nội ngày 30 tháng 10, 1956, luật sư Nguyễn Mạnh Tường khẳng định: *“tôi là một người thiết tha đến sự nghiệp của cách mạng và tiền đồ của dân tộc”*. Có thể nói, vì quá thiết tha đến sự nghiệp của cách mạng, ông đã tiếp tay cho những việc làm phương hại đến tiền đồ dân tộc. Vì thiết tha đến sự nghiệp của cách mạng, ông đã hy sinh tài sản và năng lực tận tình giúp chính quyền cách mạng. Nhưng khi băng đảng cầm quyền nhân danh cách mạng để mưu định những việc làm có hại cho tiền đồ dân tộc, như chiếm miền Nam bằng võ lực, mà ông vẫn tận tình giúp họ, không màng tới phúc lợi của toàn thể dân tộc, là góp phần vào việc làm có hại.

Ông có thể nghĩ giúp đỡ cách mạng là một cách phục vụ dân tộc. Nhưng cách mạng dùng ông để phục vụ Đảng, như đạt thắng lợi cho chủ trương của Đảng tại Bruxelles. Nhưng cách mạng không muốn ông chỉ trích và sửa sai Đảng để phục vụ dân tộc qua điều trần về Cải cách Ruộng đất. Đó là lý do Đảng vinh danh ông sau Bruxelles, và chỉ 5 tháng sau, hạ bệ ông sau điều trần ở Hà Nội.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường không còn nữa. Nhưng lời nói và việc làm của ông vẫn còn đó. Trên đường từ Bruxelles về nước, ông đã có dịp nói với các đồng nghiệp ở Moscova về trách nhiệm của giới lãnh đạo rằng: *“dù đã thực hiện được nhiều chuyện tốt cho dân chúng họ vẫn không thể được miễn trách cho những chuyện xấu mà họ đã gây ra”*. Điều này cũng có thể áp dụng cho chính ông. Ngoài ra, nêu ra việc làm của luật sư Nguyễn Mạnh Tường trên nửa thế kỷ trước về cuộc chiến thống nhất đất nước, còn là nhắc lại một kinh nghiệm, một bài học cho trí thức hôm nay, và mai sau. ■